TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2026
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:
1-Bà Nguyễn Thị Hạnh
2-Ông Nguyễn Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026, về việc: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2026/ QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1990
- *Bị đơn:* Ông Tsằn Chỉ N, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Thôn An Lạc, xã H N, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- bà Nguyễn Ngọc G trình bày:*** Bà và ông Tsằn Chỉ N quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau. Đến ngày 11/9/2013 cả hai đến UBND xã H N đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng Bà về sinh sống tại số 05 Hoàng Hoa Thám, thôn H L, xã H N, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận (Nay là xã H N, tỉnh Lâm Đồng).

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có chung với nhau 01 con chung tên Tsằn N Y (sinh ngày 14/12/2013). Trong quá trình chung sống được 02 năm thì Bà phát hiện ông Tsằn Chỉ N có quá nhiều tật xấu, đam mê cờ bạc, gái gú; tiền

làm ra ông Tsằn Chỉ N không phụ Bà nuôi con mà đổ dồn hết vào những trận đỏ đen và chơi bời trai gái; Bà nhiều lần liên đới trả nợ cho thay cho ông Tsằn Chỉ N.

Bà nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân với ông Tsằn Chỉ N, Bà đón nhận sự đau khổ nhiều hơn niềm vui, nhưng Bà nghĩ đến con còn nhỏ nên đã bỏ qua và tha thứ cho ông Tsằn Chỉ N rất nhiều lần với hy vọng ông Tsằn Chỉ N sẽ thay đổi. Nhưng không, ông Tsằn Chỉ N không những không thay đổi mà ngày càng đắm chìm trong cờ bạc, trai gái không lối thoát, phá hủy giá trị của gia đình và quan trọng là không hề trân trọng, yêu thương Bà.

Ông Tsằn Chỉ N đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của chồng đối với vợ dẫn đến hai vợ chồng không còn yêu thương nhau, không còn hạnh phúc, mục đích cuối cùng của cuộc hôn nhân không đạt được.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Nguyễn Ngọc G làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Tsằn Chỉ N.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Tsằn N Y (sinh ngày 14/12/2013) và không yêu cầu ông Tsằn Chỉ N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn-ông Tsằn Chỉ N***: Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Tsằn Chỉ N không đến nên Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

*** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 19; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc G.

+ Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc G được ly hôn với ông Tsằn Chỉ N.

+ Về con chung: Giao cháu Tsằn N Y (sinh ngày 14/12/2013) cho bà Nguyễn Ngọc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Bà Nguyễn Ngọc G không yêu cầu ông Tsằn Chỉ N cấp dưỡng nuôi con nên không xem, xét giải quyết. Ông Tsằn Chỉ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Ngọc G yêu cầu ly hôn với ông Tsằn Chỉ N và yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có nơi cư trú tại xã H N, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Tsằn Chỉ N.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Ngọc G và ông Tsằn Chỉ N đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, cụ thể: Trong quá trình chung sống ông Tsằn Chỉ N chỉ ham me cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần bà Nguyễn Ngọc G đã cố gắng cam chịu vì con nhưng ông Tsằn Chỉ N vẫn không thay đổi. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng từ năm 2015 cho đến nay.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Tsằn Chỉ N đến Tòa làm việc nhưng ông Tsằn Chỉ N không đến. Điều này, chứng tỏ ông Tsằn Chỉ N không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn thiết tha với cuộc sống hôn nhân với bà Nguyễn Ngọc G.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc G đối với ông Tsằn Chỉ N, như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Từ khi vợ chồng bà Nguyễn Ngọc G và ông Tsằn Chỉ N xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, bà Nguyễn Ngọc G là người trực tiếp nuôi con, bà Nguyễn Ngọc G luôn thực hiện tốt vai trò của một người mẹ là đảm bảo cho con có cuộc sống bình thường về thể chất cũng như về mặt tinh thần.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với con của bà Nguyễn Ngọc G và ông Tsằn Chỉ N là cháu Tsằn N Y, cháu Tsằn N Y có nguyện vọng là trong trường hợp bà Nguyễn Ngọc G, ông Tsằn Chỉ N ly hôn, thì cháu Tsằn N Y vẫn mong muốn được tiếp tục sống với bà Nguyễn Ngọc G.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Tsằn N Y cho bà Nguyễn Ngọc G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do bà Nguyễn Ngọc G không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử nhận thấy, ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc G.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc G được ly hôn với ông Tsằn Chỉ N.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Tsằn N Y (sinh ngày 14/12/2013) cho bà Nguyễn Ngọc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Nguyễn Ngọc G không yêu cầu ông Tsằn Chỉ N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông Tsằn Chỉ N có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc G phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0003339 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, bà Nguyễn Ngọc G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 13 – Lâm Đồng;
- UBND xã H N *(Hộ tịch-CNKH số: 98, ngày 11/9/2013)*
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thanh Trúc Tuyền